

## BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

### 1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/nhập khẩu: Công ty TNHH Piaggio Việt Nam
- 1.2. Địa chỉ: Lô M, KCN Bình Xuyên, TT Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
- 1.3. Loại phương tiện: xe mô tô hai bánh / xe gắn máy 2 bánh/loại xe khác: <sup>(1)</sup>
- 1.4. Nhân hiệu: MOTO GUZZI
- 1.5. Tên thương mại: V9 BOBBER
- 1.6. Mã kiểu loại (số loại): MA/B/00
- 1.7. Số giấy chứng nhận: <sup>(2)</sup> 21KXM/370645
- 1.8. Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 5003/NETC-M/21/C ngày: 6/9/2021

### 2. Thông số kỹ thuật của xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 210 kg
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 420 kg
- 2.3. Động cơ
  - 2.3.1. Kiểu động cơ: AW loại động cơ: xăng, 4 kì, làm mát bằng không khí
  - 2.3.2. Thể tích làm việc (dung tích xy lanh): 853 cm<sup>3</sup>
  - 2.3.3. Công suất lớn nhất/ số vòng quay: 47,8 kW/ 6800 rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: chế hòa khí/ phun nhiên liệu/khác: ..... <sup>(1)</sup>
- 2.5. Hộp số
  - 2.5.1. Điều khiển: cơ khí/ tự động<sup>(1)</sup>
  - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 6
  - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 12,847 / 9,370 / 7,027 / 5,710 / 5,270 / 4,517
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 4,125
- 2.7. Lốp
  - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 130/90 16 M/C 67H áp suất: 260 kPa
  - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 150/80 B 16 M/C 71H áp suất: 290 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 175 km/h

### 3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

- 3.1. Chu trình thử: TCVN 9726:2013 /...<sup>(1)</sup>
- 3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 3,92 l/100 km



#### 4. Mẫu nhãn năng lượng công khai

Kích thước: 50 x70 (mm)

**NHÃN NĂNG LƯỢNG**

.....  
Lit/100km

SỐ BC TN:.....

NHÃN HIỆU:.....

TÊN THƯƠNG MẠI:.....

NHÀ NHẬP KHẨU:.....

.....

DUNG TÍCH XY LẠNH: .....

QUY CHUẨN ÁP DỤNG: .....

CHU TRÌNH THỬ: .....

*Ghi chú: Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe*

#### 5. Ghi chú: ( Nếu có):

Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng kĩ thuật bảo dưỡng của xe.



#### Ghi chú:

- (1) Gạch ngang phần không áp dụng
- (2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại;  
Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm.

TRƯỞNG PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN  
*Nguyễn Xuân Hiếu*